TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04/9/2020
"Ttranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Dương Điềm
Ông Nguyễn Nữu Ước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin: không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn A, xã E , huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Ngô Thị T trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn L là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 06/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, hạnh phúc được thời gian dài hơn 20 năm. Từ năm 2014 trở về đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L có quan hệ tình cảm với bà LA là công nhân làm cùng công ty với ông L, tôi đã tha thứ và dùng lời lẽ khuyên bảo ông L, sau đó vợ chồng về hàn gắn tình cảm được một thời gian đến năm 2017 ông L tiếp tục lui lại với bà LA, tự chụp ảnh khỏa thân gửi cho người yêu của ông Nguyễn văn L (qua mạng xã hội) tôi lấy được đã nộp cho Tòa án làm bằng chứng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả với nhau. Đến đầu tháng 09 năm 2018 do bức xúc không chịu

được cuộc sống chung nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ ruột sống ly thân với ông L từ đó cho tới nay. Năm 2018 tôi đã làm đơn xin ly hôn nhưng ông L xin lỗi nên tôi mới rút đơn tại cấp phúc thẩm. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với ông L nên làm đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn văn L.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 28/9/1993 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/9/1998, do các con chung đều trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn Văn L nhưng ông L cương quyết không nhận và không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy lời khai được của ông Nguyễn Văn L. Tuy nhiên qua lời trình bày của ông Nguyễn văn L tại bản án số 35/2018/NHGĐ-ST ngày 19/11/2018 thể hiện như sau:*"Ông L và bà Ngô Thị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 06/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống ông L xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 20 năm nay, gần đây vào năm 2014 vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên bà T nghi ngờ ông L ngoại tình với người khác. Tuy nhiên, ông L xác định do ông là đội trưởng của đội 45 - Công ty cà phê C nên thường xuyên đi ngoại giao gây hiểu lầm cho bà T, chứ ông L không có ngoại tình với người khác, ông vẫn còn yêu thương và còn tình cảm với bà T. Đến tháng 9 năm 2018 bà T nộp đơn kiện lên Tòa án xin ly hôn với ông L, ông L mới biết được bà T vì tức giận quá mà nộp đơn kiện, chứ mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn. Từ ngày nộp đơn ly hôn bà T mới về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng mới ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L thì ông L không đồng ý, vì ông L vẫn còn tình cảm với bà T, ông L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn với nhau và các con đã lớn nên đề nghị Tòa án xem xét cho vợ chồng được đoàn tụ với nhau.*

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 28/9/1993 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/9/1998, do các con chung đều trên 18 tuổi và đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết"

Tòa án đã đến địa phương xác minh tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Văn L và bà Ngô Thị T được biết: Ông L và bà T sinh sống tại địa phương trước đây vợ chồng có cãi vã lẫn nhau, nhưng thời gian gần đây không thấy cãi nhau, đánh nhau. Vừa rồi ông L có nhờ địa phương hòa giải nhưng bà T vắng mặt, vì bà T cho rằng ông L quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác nên cương quyết ly hôn.

Văn bản số 889/CV –VKS – DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin đề nghị không tham gia phiên tòa vì vụ án không

thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn L, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ như: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa …v.v nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K (nay là huyện C) tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/02/1993 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông L là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Ngô Thị T là do ông Nguyễn Văn L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thậm chí còn chụp ảnh khỏa thân gửi cho người phụ nữ khác (qua mạng xã hội) bà T thu thập được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài không hòa giải được. Đến đầu tháng 9 năm 2018 bà T về nhà bố mẹ ruột ở thôn A, xã E, huyện C sống ly thân với ông L từ đó cho đến nay. Năm 2018 bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn L đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, đã được Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin giải quyết cho ly hôn nhưng sau đó bà T làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện tại Tòa án cấp phúc thẩm nên vụ án phải đình chỉ. Nay bà T tiếp tục khởi kiện xin ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà Ngô Thị T và ông Nguyễn Văn L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị T, cho bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L

[3] Về con chung: Do các cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 28/9/1993 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 16/9/1998 đều đã thành niên, bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T. Cho bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung : Do các con chung đã thành niên và bà Ngô Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà Ngô Thị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0007090 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Ông Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ LỢI